

TP.HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2021 & KẾ HOẠCH SXKD 2022
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

I/. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021:

1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu:

1.1 Các chỉ tiêu chung:

- Doanh thu 154,6 tỷ đồng đạt bằng 120,3% so với kế hoạch (tăng 29,6% so với năm 2020).
- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 33,5%.
- Lợi nhuận trước thuế 7,442 tỷ đồng, bằng 105% so với kế hoạch (bằng 105% so với năm 2020).
- Thu nhập bình quân người lao động: 12,891 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,5% so với năm 2020 (11,877 triệu đồng/người/tháng).
- Cổ tức: dự kiến trả tỷ lệ cổ tức/cổ phần 11%, đạt bằng kế hoạch đầu năm.

1.2 Kế hoạch BDTX, định kỳ:

a) **Khối lượng:** Hoàn thành 100% kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt. Tổng khối lượng sản phẩm thực hiện (*chi tiết xem Khoản I mục 1 Phụ lục*)

b) Doanh thu

- | | | |
|--|---|-----------------|
| - Thực hiện kế hoạch | : | 100% |
| - Doanh thu BDTX | : | 102,783 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch 2021 | : | 100,713% |
| - Tỷ lệ thực hiện so với năm 2020 | : | tăng 2,73% |
| - Thực hiện các yếu tố chi | (<i>chi tiết xem Khoản I mục 2 Phụ lục</i>) | |

c) **Kiến trúc (SCTSCĐ nhóm II):** thực hiện và hoàn thành các công trình: Sửa chữa nhà xe Cơ quan Công ty, nhà làm việc thuộc Xí nghiệp TTTH Sài Gòn địa điểm: Ga Gò Vấp, Ga Dĩ An, Ga Biên Hòa; sửa chữa nhà làm việc thuộc Xí nghiệp TTTH Thuận Hải địa điểm: Ga Cà Ná, Ga Phước Nhơn, Ga Long Thành, Ga Bình Thuận, Ga Châu Hanh; sửa chữa nhà làm việc thuộc Xí nghiệp TTTH Phú Khánh địa điểm: Ga Vân Canh, Ga Phước Lãnh, Ga Tuy Hòa, Ga Đại Lãnh.

1.3 Công trình kinh doanh, dịch vụ: Doanh thu 51,2 tỷ đồng, bằng 193,38% so với kế hoạch, bằng 308% so với năm 2020 (16,62 tỷ).

a) **Công trình:** thực hiện 13 công trình và hạng mục với doanh thu: 46,8 tỷ đồng (*chi tiết xem Khoản I mục 3.1 Phụ lục*).

b) **Dịch vụ:** doanh thu 4,334 tỷ đồng (*chi tiết xem Khoản I mục 3.2 Phụ lục*).

2. Công tác kỹ thuật – an toàn:

2.1 Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng:



- Chất lượng duy tu thiết bị đạt: 99,72%, tăng 0,13% so với năm 2020 (chỉ tiêu $\geq 98,5\%$).
- Hiệu suất thiết bị thông tin tín hiệu đạt: 99,55%, giảm 0,16% so với năm 2020 (chỉ tiêu $\geq 99\%$), trong đó: HSKT^{TT} đạt: 99,95%, tăng 0,14% so với năm 2020 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); HSKTTH đạt: 99,44%, giảm 0,11% so với năm 2020 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); hiệu suất quản lý đạt: 99,73%, giảm 0,33% so với năm 2020. Cụ thể:

Trong năm 2021, toàn Công ty:

- o Đường dây và thiết bị thông tin:
 - + Giảm đoạn thông tin : 0 vụ (giảm 01 vụ 90 phút so với năm 2020);
 - + Hư hỏng thiết bị: 12 vụ, (giảm 06 vụ so với năm 2020).
 - o Thiết bị tín hiệu:
 - + Chậm tàu: 02 vụ 44 phút, bằng số vụ và tăng 16 phút so với năm 2020 (chỉ tiêu ≤ 3 vụ, < 90 phút);
 - + Phiếu đường: 03 phiếu, tăng 02 phiếu so với năm 2020;
 - + Độ ổn định ĐN CBTĐ: 99,99%, giảm 0,01% so với năm 2020 (chỉ tiêu $> 99,95\%$).
 - + Hư hỏng thiết bị: 126 vụ (tăng 66 vụ so với năm 2020)
- (Chi tiết xem Khoản I mục 4 Phụ lục).

2.2 Thực hiện các chủ trương kỹ thuật:

- Xây dựng và thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự ATCT, ATGTĐS, ANTT, PCCN trong dịp Tết Dương lịch, Tết nguyên đán Tân Sửu và Lễ hội Xuân năm 2021, Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 và 01/5, Lễ Quốc khánh 02/9;
- Thực hiện tốt Chỉ thị 01/CT-ĐS ngày 04/01/2021 của Tổng công ty ĐSVN về việc đảm bảo an toàn chạy tàu, trật tự an toàn giao thông đường sắt phục vụ công tác vận tải năm 2021; Kế hoạch hành động số 24/KH-TTSG ngày 13/01/2021 của Công ty về công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, trật tự an toàn giao thông đường sắt phục vụ công tác vận tải năm 2021;
- Xây dựng, triển khai thực hiện tốt 02 chương trình kỹ thuật trọng tâm năm 2021:
 - + Nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo chất lượng, độ hoạt động ổn định đường ngang cảnh báo tự động;
 - + củng cố hệ thống thông tin tín hiệu chạy tàu các ga.
- Hoàn thành kế hoạch nghiên cứu ứng dụng KHCN và sáng kiến hợp lý hóa sản xuất năm 2021; Xin gia hạn, tiếp tục thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Tổng công ty, Thực hiện hoàn thành 01 đề tài KHCN cấp Công ty, xét duyệt 45 sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, kinh phí 80 triệu đồng;
- Nâng cấp, khai thác hiệu quả Website Công ty, hệ thống điện thoại hội nghị truyền hình, camera giám sát tập trung, thiết bị giám sát từ xa tại các đường ngang, góp phần nâng cao tính năng, chất lượng thiết bị, an toàn chạy tàu;
- Thực hiện tốt phương án phòng chống lụt, bão; ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2021 (theo Phương án số 306/PA-TTSG ngày 12/4/2021) trong mùa bão lũ;
- Thực hiện công tác kiểm tra các cấp, bảo trì đảm bảo chất lượng, nâng cao công tác quản lý thiết bị Thông tin tín hiệu ga, đường ngang có gác và đường ngang CBTĐ. Đặc biệt là thiết bị không chế và ĐNCBTĐ;

- Thực hiện các nội dung về hành lang an toàn thiết bị TTTH (đảm bảo an toàn thiết bị, hồ sơ quản lý...); Phối hợp với các đối tác viễn thông tổ chức phát quang dọc tuyến đường dây trần thông tin phòng chống cháy trong mùa khô;
- Chủ động phối hợp với các đoàn kiểm tra công tác đảm bảo ATGTĐS của Cục ĐSVN, Tổng Cty ĐSVN, địa phương;
- Xây dựng chương trình, tổ chức Hội nghị an toàn chạy tàu và giám sự cố, trở ngại thiết bị TTTH năm 2021 theo hình thức phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19;
- Tổ quản trị, giám sát tập trung thiết bị TTTH tiếp tục được duy trì và đạt hiệu quả cao trong việc sử dụng camera giám sát hình ảnh tập trung, phần mềm giám sát từ xa ĐNCBTĐ; giám sát mạng truyền dẫn SDH, trao đổi thông tin nội bộ đảm bảo độ hoạt động ổn định ĐNCBTĐ, thiết bị TTTH;
- Thực hiện tốt vai trò quản lý khi các đơn vị trong và ngoài ngành thực hiện thi công các dự án hạ tầng đường sắt, chủ động phối hợp xử lý, khắc phục hậu quả các vụ việc tai nạn chạy tàu.
- Thực hiện bảo trì, ứng cứu, xử lý sự cố tuyến cáp quang CMC Telecom theo Hợp đồng 0108/2019/CMC-VNRSG; Thống nhất phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan SCTV, Viettel, HTC, FPT, CMC ...

II/. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022:

1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu đạt 166,5 tỷ đồng (tăng 8% so với thực hiện 2021). Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu là 35,6%.
- Lợi nhuận trước thuế: 7,527 tỷ đồng (tăng 1,1% so với thực hiện năm 2021 và tăng 6,2% so với kế hoạch 2021).
- Thu nhập bình quân người lao động: 12,971 triệu đồng/người/tháng, tăng 0,62% so với năm 2021.
- Cổ tức (dự kiến): 10,5%.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

2.1. Kế hoạch QLBDTX KCHT đường sắt:

a) Khối lượng danh mục sản phẩm

- Hệ thống truyền tải : 630,660Km/Tr
- Trạm tổng đài : 75,000Trạm
- Tín hiệu ra vào ga : 1.367,000 Hệ
- Thiết bị khống chế : 386,000 Bộ
- Thiết bị điều khiển : 297,000 Đài
- Cáp tín hiệu : 1.333,530 Km/sợi
- Thiết bị nguồn điện : 6,000 Cung

b) Sản lượng quản lý bảo dưỡng thường xuyên: 117,863 tỷ đồng, doanh thu 107,148 tỷ đồng (tăng 4,25% so với thực hiện năm 2021 và 5% so với kế hoạch năm 2021).

2.2 Kế hoạch công trình SXKD, dịch vụ: 59,35 tỷ đồng

a) Công trình SXKD: Thực hiện 03 công trình và hạng mục với doanh thu dự kiến **54,85 tỷ đồng** (chi tiết xem Khoản II mục 1 Phụ lục).

b) Hoạt động kinh doanh, dịch vụ: doanh thu dự kiến **4,512 tỷ đồng** (chi tiết xem *Khoản II mục 2 Phụ lục*). Trong đó trọng tâm:

- Rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, tiếp tục hợp tác các khu vực nhà đất, thiết bị của Công ty đạt hiệu quả, đúng quy định pháp luật.
- Khai thác hiệu quả mặt bằng nhà Cơ quan Công ty, các XN (tổ chức hợp tác kinh doanh khu nhà làm việc XNSG).
- Quan tâm dịch vụ khai thác ĐTĐB: cước phí, lắp đặt máy ĐT; mặt bằng; dịch vụ phòng máy ...

2.3 Công trình đầu tư:

- Xây dựng xưởng TTTH Hiệp Bình Phước tại địa chỉ QL13, phường HBP, TP. Thủ Đức, Tp.HCM (công trình chuyển tiếp năm 2021 hợp tác với đối tác, từ nguồn vốn KHTSCĐ và ĐTPT của Công ty).
- Nâng cấp, sửa chữa nhà, xưởng, phương tiện, thiết bị (vốn KHTSCĐ của Công ty).
- Trang bị xe ô tô 16 chỗ (nguồn vốn KHTSCĐ Công ty).

3. Công tác kỹ thuật - an toàn:

3.1 Một số chỉ tiêu kỹ thuật, chất lượng:

- Đảm bảo ATCT, ATLĐ, PCCN 100%.
- Chất lượng duy tu thiết bị > 98,5%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2021 ($\geq 99,72\%$).
- Hiệu suất khai thác thiết bị > 99,00%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2021 ($\geq 99,55\%$).
- Độ ổn định ĐN CBTĐ > 99,95%, phần đầu bằng năm 2021 (99,99%).
- Sự cố gây chậm tàu: ≤ 3 vụ, thời gian < 90 phút (mỗi XN ≤ 1 vụ, thời gian < 30 phút), phần đầu giảm tối đa trở ngại gây chậm tàu, không liên quan tới các vụ tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra. Giảm ít nhất 5% vụ hư hỏng thiết bị so với năm 2021.

3.2 Các nhiệm vụ khác:

- Tập trung duy trì tốt các nội dung về duy tu bảo dưỡng thường xuyên, thực chất công tác kiểm tra, giám sát thiết bị các cấp đảm bảo ATCT, hạn chế hư hỏng, trở ngại thiết bị, phần đầu giảm tối đa trở ngại gây chậm tàu; đảm bảo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kỹ thuật năm 2022.
- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình kỹ thuật trọng tâm năm 2022:
 - + Đảm bảo chất lượng, độ hoạt động ổn định đường ngang cảnh báo tự động;
 - + Kiểm soát, hạn chế hư hỏng thiết bị tín hiệu, nâng cao hiệu quả xử lý sự cố trở ngại.
 - Kiểm tra, xử lý suy hao, củng cố đường cáp, mốc cáp, bệ cáp... đảm bảo chất lượng hiệu quả khai thác tuyến cáp quang đường sắt để đáp ứng yêu cầu SXKD và hợp tác với đối tác;
 - Xử lý, sửa chữa các tồn tại hệ thống tiếp đất, chống sét không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;
 - Xây dựng và triển khai thực hiện phương án phòng chống lụt bão, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2022;

- Thực hiện, chủ động phối hợp điều tra, khảo sát, thiết kế, lập phương án kỹ thuật và giám sát các công trình trong, ngoài ngành đáp ứng yêu cầu.
- Cập nhật, bổ sung khối lượng, hồ sơ quản lý kỹ thuật các thiết bị thay thế, sửa chữa, xây dựng mới năm 2022;
- Thực hiện tốt vai trò quản lý bảo trì thiết bị TTTH khi thi công các dự án công trình (đặc biệt là dự án 7.000 tỷ);
- Tiếp nhận và đưa vào quản lý, bảo trì KCHT đối với các dự án công trình, rà soát cập nhật các hồ sơ có liên quan đối với các ga thuộc dự án 7.000 tỷ đã thi công xong (trong giai đoạn bảo hành chưa bàn giao đưa vào sử dụng chính thức thiết bị).
- Kiểm tra, phối hợp thực hiện Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Quy chế phối hợp giữa Bộ GTVT và UBND các tỉnh, thành phố, xử lý đảm bảo tầm nhìn các hệ tín hiệu và hành lang an toàn thiết bị TTTH; lập hồ sơ quản lý và kế hoạch đảm bảo hành lang an toàn giao thông đường sắt;
- Tiếp tục thực hiện 1 đề tài KHCN cấp Tổng công ty ĐSVN, 1-2 đề tài cấp Công ty và các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất;
- Tổ chức tốt hoạt động của Tổ quản trị, giám sát tập trung thiết bị TTTH nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng camera giám sát hình ảnh tập trung, phần mềm giám sát từ xa ĐNCBTĐ; nâng cấp đường truyền cáp quang cho các đường ngang CBTĐ đang sử dụng sóng 3G không ổn định bằng đường truyền FTTH;
- Thống nhất phối hợp giải quyết tốt các vấn đề có liên quan SCTV, Viettel, HTC, FPT...

4. Biện pháp chủ yếu:

- Xem xét, điều chỉnh tổ chức sản xuất phù hợp (tổ quản trị giám sát, các Cung TTTH...); thực hiện tốt các nội dung về quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ; bổ sung, sắp xếp lao động đảm bảo đầy đủ, chất lượng (đặc biệt là lao động trực tiếp); xây dựng các quy định, quy chế cần thiết để thúc đẩy SXKD.
- Xây dựng các kế hoạch BDTX, SXKD dịch vụ, tổ chức điều hành kiên quyết và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ để việc thực hiện theo đúng Quy định, Quy chế và yêu cầu của chủ đầu tư.
- Tập trung tạo mọi nguồn lực (tài chính và lao động công nghệ) thực hiện hoàn thành các dự án công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả (trong đó trọng tâm thuộc dự án 7.000 tỷ, các công trình 994, các dự án với địa phương) và tăng cường quan hệ tìm kiếm công ăn việc làm mới.
- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các Quy định, quy chế, các định mức chi phí trực tiếp trong thi công công trình; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình; nghiệm thu ngay và hoàn tất các thủ tục thanh toán, thu hồi vốn khi công trình xây dựng hoàn thành. Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ tồn đọng, nợ quá hạn, nợ khó đòi, đảm bảo an toàn tài chính. Tiếp cận và quan hệ với các tổ chức tín dụng để chủ động nguồn vốn trong SXKD.
- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ KHCN trong SXKD, thực hiện đánh giá tái chứng nhận và phát huy tính thực chất của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, làm cho hệ thống này là công cụ, phương tiện hoạt động, quản trị hỗ trợ mạnh mẽ SXKD và khẳng định thương hiệu Công ty.
- Tăng cường cơ sở vật chất Công ty, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CB.CNV, NLĐ; thực hiện chính sách lương, thưởng và các chế độ đảm bảo đúng qui

định, công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để người lao động phát huy sáng tạo trong công việc. Tổ chức các phong trào văn hóa, thể thao phù hợp đáp ứng nhu cầu tinh thần của người lao động trong Công ty, thực hiện đúng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

- Phát động các phong trào thi đua hiệu quả; có cơ chế khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích mang lại lợi ích cho Công ty cũng như xử lý thích đáng các vi phạm.

- Giữ vững đoàn kết, mối quan hệ, sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả trong lãnh đạo chuyên môn; giữa các phòng, xí nghiệp; giữa chuyên môn và các đoàn thể dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy Công ty.

- Nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết pháp luật ở từng vị trí công tác; siết chặt kỷ cương, nề nếp. Thực hiện nghiêm mệnh lệnh sản xuất, hài hòa trong quan hệ công việc, sinh hoạt. Thực hiện phương châm “chuyên nghiệp, hiệu quả và phát triển bền vững”. Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng các chế độ quy định, quy chế.

- Chủ động, quyết liệt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo đúng tinh thần Nghị quyết 128/NQ-CP 2021 “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

- Bám và thực hiện kịp thời các Nghị quyết của Quốc hội, chính phủ về hỗ trợ NLĐ và DN gặp khó khăn dịch bệnh COVID-19.

- Tăng cường điều tra, tiếp thị, thực hiện chính sách hợp lý trong duy trì và phát triển khách hàng đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ ngoài công ích.

- Tiếp tục quan tâm quyết liệt bám để hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhà, đất của Công ty và hợp tác, khai thác hiệu quả đúng quy định của pháp luật, địa phương (khu Hiệp Bình Chánh, hiệp Bình Phước, đường Nguyễn thông...).

- Xây dựng mở rộng các mối quan hệ với địa phương, các đối tác và tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Tổng công ty ĐSVN, Cục ĐSVN, Bộ GTVT và UBQLVNN.

- Tiết kiệm trong tất cả các chi phí, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu... góp phần giảm chi phí sản xuất.

Nơi nhận:

- Cổ đông (Website);
 - Chủ tịch, các TV HĐQT;
 - Giám đốc, các Phó GD;
 - Trưởng Ban KS;
 - Các phòng, các XN,
 - Lưu KHVT, VT.
- { mạng }



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Dũng

PHỤ LỤC

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2021

1. Về khối lượng sản phẩm:

| | | |
|-----------------------|---------------------|----------------|
| - Hệ thống truyền tải | : 630,660 Km/Tr, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Trạm tổng đài | : 75,000 Trạm, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Tín hiệu ra vào ga | : 1.367,000 Hệ, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Thiết bị khống chế | : 386,000 Bộ, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Thiết bị điều khiển | : 297,000 Đài, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Cấp tín hiệu | : 1.333,530 Km/sợi, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Thiết bị nguồn điện | : 6,000 Cung, | đạt tỷ lệ 100% |

2. Về chi phí sản xuất:

| | |
|--|-----------------------|
| - Lương, phụ cấp | : 46.911.680.116 đồng |
| - Vật liệu, nhiên liệu, điện lực, dịch vụ thuê ngoài | : 26.597.952.431 đồng |
| - Chi phí chung | : 23.455.840.058 đồng |
| - Thu nhập chịu thuế tính trước | : 5.817.928.356 đồng |
| - Thuế VAT | : 10.278.340.096 đồng |

3. Các công trình SXKD, dịch vụ: 51,2 tỷ đồng.

3.1 Các công trình kinh doanh: 46,8 tỷ đồng.

| STT | Tên công trình |
|-----|--|
| 1 | Giá trị thanh toán lần 1 Gói thầu 12- Dự án Gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh-Nha Trang (theo hợp đồng 99/2021/HĐTP/CTĐS-TTTHSG ngày 29/01/2021). |
| 2 | Giá trị khối lượng xây lắp đợt 1 Gói thầu số 15 - Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang - Sài Gòn (theo hợp đồng số XL-NTSG-15 ngày 30/6/2020) |
| 3 | Giá trị thanh toán lần 5 Gói thầu XL-NTSG-16: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1436+750 đến Km1446+665 - Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang-Sài Gòn (theo hợp đồng XL-NTSG-16 ngày 10/11/2020) |
| 4 | Giá trị thanh toán lần 5 Gói thầu XL-NTSG-17: Cải tạo nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1446+665 đến Km1506+100 thuộc tỉnh Bình Thuận - Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang-Sài Gòn (theo hợp đồng XL-NTSG-17 ngày 24/11/2020) |
| 5 | Giá trị khối lượng thanh toán lần 6 Gói thầu XL-NTSG-18: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1522+890 đến 1540+815 thuộc tỉnh Bình Thuận |
| 6 | Giá trị thanh toán lần 5 Gói thầu XL-NTSG-20: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1582+022 đến Km1614+300 thuộc tỉnh Bình Thuận - Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang-Sài Gòn (theo hợp đồng XL-NTSG-20 ngày 10/11/2020) |
| 7 | Giá trị thanh toán lần 1 Gói thầu XL-NTSG-21 - Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang-Sài Gòn (theo hợp đồng XL-NTSG-21 ngày 05/12/2020). |

| STT | Tên công trình |
|-----|--|
| 8 | Giá trị thanh toán lần 4 Gói thầu XL-CY-11: Thi công 14 cầu từ Phú Yên đến Đồng Nai - Dự án Cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô (theo hợp đồng XL-CY-11 ngày 14/11/2020 và PLHĐ số 01 ngày 30/6/2021) |
| 9 | Di dời, hoàn trả TTTH - Gói thầu XL-CY-02: Thi công 07 cầu thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa (theo hợp đồng 01-XL-CY-02/HĐTP/TP-SG ngày 04/9/2020). |
| 10 | Giá trị khối lượng thanh toán lần 3 Gói thầu XL-CY-03 - Dự án Cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến Đường sắt Hà Nội - TPHCM (theo hợp đồng XL-CY-03 ngày 10/11/2020) |
| 11 | Giá trị thanh toán đợt 6 Gói thầu số 08 - Dự án Gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang (theo HĐ số 8/2020/HĐKT-ĐSVNT ngày 26/9/2020, PLHĐ số 01 ngày 25/3/2021 và PLHĐ số 02 ngày 15/6/2021) |
| 12 | Giá trị thanh toán lần 5 Gói thầu XL-NTSG-20: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1582+022 đến Km1614+300 thuộc tỉnh Bình Thuận - Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang-Sài Gòn (theo hợp đồng XL-NTSG-20 ngày 10/11/2020) |
| 13 | Gói thầu số 15: Xây dựng số: 6/2021/HĐXD/ĐV-TTTH ngày 29/01/2021 và PLHĐ số 01-06/PL.HĐXD/ĐV-TTTH ngày 15/06/2021, số 02-06/PL.HĐXD/ĐV-TTTH ngày 20/08/2021, số 03-06/PL.HĐXD/ĐV-TTTH ngày 30/09/2021 giữa Ban Quản lý dự án Biên Hòa |

3.2 Doanh thu Dịch vụ: 4,334 tỷ đồng

| STT | Tên công trình dịch vụ |
|-----|--|
| 1 | Dịch vụ phòng máy CMC |
| 2 | Dịch vụ phòng máy HTC |
| 3 | Dịch vụ phòng máy SCTV |
| 4 | Hợp tác XD mạng thoại dịch vụ và hỗ trợ PCBL khu vực Đại Lãnh - Tuy Hòa - Xuân Lãnh |
| 5 | Hợp đồng hợp tác với Cty Sao Bắc khu đất Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh |
| 6 | Hợp đồng hợp tác khu nhà, đất với Công ty CS tại 23 Thái Nguyên, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa |
| 7 | Hợp đồng hợp tác với Cty TNHH Mạnh Hùng tòa nhà 23 Trần Phú, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |
| 8 | Hợp đồng hợp tác với Công ty Imas tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 9 | Hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần KORO tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 10 | Hợp đồng hợp tác với Công ty Ý Tường Mộc tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |

| | |
|----|--|
| 11 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH dịch vụ mua hàng quốc tế tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 12 | Hợp đồng hợp tác với Công ty vận tải đa phương thức tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 13 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Luật Việt Tâm tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 14 | Hợp đồng hợp tác với ông. Nguyễn Thuận Phát tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 15 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Trung Thanh Hải tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 16 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Cao Tiến Wood tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 17 | Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với Viettel Tp. HCM tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3 |
| 18 | Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với TT Mobifone miền Nam tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3 |

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật

| TT | Tên sản phẩm | Sài Gòn | Thuận Hải | Phú Khánh | Công ty |
|------------|----------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| I | Chất lượng duy tu | 99,65 | 99,70 | 99,81 | 99,72 |
| 1 | Đường truyền tải | 99,69 | 99,61 | 99,61 | 99,64 |
| 2 | Trạm & Tổng đài | 99,87 | 99,99 | 100,0 | 99,95 |
| 3 | Tín hiệu ra, vào ga | 99,69 | 99,90 | 99,87 | 99,82 |
| 4 | Thiết bị khống chế | 99,14 | 99,03 | 99,47 | 99,21 |
| 5 | Thiết bị điều khiển | 99,76 | 99,74 | 99,88 | 99,79 |
| 6 | Cáp tín hiệu | 99,68 | 99,89 | 99,96 | 99,84 |
| 7 | Thiết bị nguồn điện | 99,73 | 99,78 | 99,89 | 99,80 |
| II | Hiệu suất TBTT | 99,67 | 99,68 | 99,68 | 99,68 |
| | Hiệu suất TBTH | 98,93 | 99,60 | 99,72 | 99,42 |
| 1 | Hiệu suất quản lý | 99,37 | 99,37 | 99,47 | 99,40 |
| 2 | Hiệu suất KTTT | 99,98 | 100,0 | 99,89 | 99,96 |
| 3 | Hiệu suất KTTH | 98,50 | 99,84 | 99,97 | 99,44 |
| III | Chất lượng thiết bị | 99,40 | 99,66 | 99,76 | 99,61 |
| 1 | Đường truyền tải | 99,68 | 99,64 | 99,65 | 99,66 |
| 2 | Trạm & Tổng đài | 99,77 | 99,84 | 99,84 | 99,82 |
| 3 | Tín hiệu ra, vào ga | 99,31 | 99,75 | 99,80 | 99,62 |
| 4 | Thiết bị khống chế | 99,04 | 99,31 | 99,60 | 99,32 |
| 5 | Thiết bị điều khiển | 99,34 | 99,67 | 99,80 | 99,61 |
| 6 | Cáp tín hiệu | 99,31 | 99,74 | 99,84 | 99,63 |
| 7 | Thiết bị nguồn điện | 99,33 | 99,69 | 99,81 | 99,61 |

II. Doanh thu (dự kiến) công trình SXKD, DV năm 2022: 59,35 tỷ đồng

1. Các công trình kinh doanh: 54,85 tỷ đồng

| STT | Tên công trình |
|-----|---|
| 1 | Gói thầu số 16: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1436+750 đến Km1446+665 thuộc tỉnh Bình Thuận |
| 2 | Gói thầu số 17: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1446+665 đến Km1506+100 thuộc tỉnh Bình Thuận |
| 3 | Gói thầu số 21: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1619+125 đến Km1688+040 thuộc tỉnh Đồng Nai |

2. Doanh thu dịch vụ: 4,5 tỷ đồng

| TT | Tên công trình dịch vụ |
|----|--|
| 1 | Dịch vụ phòng máy CMC |
| 2 | Dịch vụ phòng máy HTC |
| 3 | Dịch vụ phòng máy SCTV |
| 4 | Hợp tác XD mạng thoại dịch vụ và hỗ trợ PCBL khu vực Đại Lãnh - Tuy Hòa - Xuân Lãnh |
| 5 | Hợp đồng hợp tác khu đất Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh |
| 6 | Hợp đồng hợp tác khu nhà, đất 23 Thái Nguyên, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa |
| 7 | Hợp đồng hợp tác với Cty TNHH Mạnh Hùng tòa nhà 23 Trần Phú, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |
| 8 | Hợp đồng hợp tác với Công ty Imas tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 9 | Hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần KORO tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 10 | Hợp đồng hợp tác với Công ty Ý Tưởng Mộc tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 11 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH dịch vụ mua hàng quốc tế tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 12 | Hợp đồng hợp tác với Công ty CP vận tải đa phương thức tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 13 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Luật Việt Tâm tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 14 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Trung Thanh Hải tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 15 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Cao Tiến Wood tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 16 | Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với Viettel Tp. HCM tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |
| 17 | Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với TT Mobifone miền Nam tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh |